

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và hủy bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục I của Quyết định này.

2. Công bố sửa đổi các thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục II của Quyết định này.

3. Công bố thay thế các thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục III của Quyết định này.

4. Công bố hủy bỏ các thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục IV của Quyết định này.

5. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được bổ sung, sửa đổi và thay thế tại Phụ lục V của Quyết định này.

Điều 2.

Vụ trưởng Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật các thủ tục hành chính công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Mine*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC.



www.LuatVietnam.vn

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG
(Kèm theo Quyết định số 3530/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường thủy nội địa			
1.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế	Đường thủy nội địa	Cơ quan quản lý đường thủy nội địa
II. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hàng hải			
2.	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải	Cảng vụ Hàng hải
3.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình hàng hải hết tuổi thọ thiết kế	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam
III. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ			
4.	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
5.	Cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
6.	Cấp lại biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
7.	Xác nhận tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
8.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
9.	Chấp thuận mở tuyến mới đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng xe ô tô	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
10.	Chấp thuận mở tuyến mới đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

IV. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hàng không			
11.	Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không	Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
12.	Xử lý công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế	Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam

www.LuatVietnam.vn

- Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI
(Kèm theo Quyết định số 3530/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục hành chính	Số seri của thủ tục được sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ				
1.	Công bố tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng xe ô tô	B-BGT-008614-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
2.	Công bố tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô	B-BGT-015024-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
3.	Đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh	B-BGT-008939-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
4.	Đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh	B-BGT-015110-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

Phụ lục III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ THAY THẾ
(Kèm theo Quyết định số 3530 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục hành chính	Số seri của thủ tục bị thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ				
1.	Cấp mới phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định	B-BGT-033085-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
		B-BGT-033050-TT		

Phụ lục IV

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ HỦY BỎ
(Kèm theo Quyết định số 3530/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục hành chính	Số sêri của thủ tục bị hủy bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ				
1.	Chấp thuận khai thác thủ tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh chưa có trong danh mục tuyến đã được công bố	B-BGT-008570-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
2.	Chấp thuận khai thác thủ tuyến vận tải khách cố định chưa có trong danh mục tuyến đã được công bố đối với tuyến nội tỉnh hoặc liên tỉnh liền kề	B-BGT-014083-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
3.	Bổ sung xe thuộc doanh nghiệp vận tải vào tuyến cố định liên tỉnh trên 1000 km đã được chấp thuận	B-BGT-009038-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
4.	Bổ sung xe thuộc doanh nghiệp vận tải vào các tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh, tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh liền kề và các tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh từ 1000 km trở xuống đã được chấp thuận	B-BGT-015318-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
5.	Chấp thuận đề nghị của doanh nghiệp ngừng khai thác tuyến hoặc ngừng từng xe khai thác tuyến cố định liên tỉnh trên 1000 km	B-BGT-009166-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
6.	Chấp thuận đề nghị của doanh nghiệp ngừng khai thác các tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh, tuyến vận tải cố định liên tỉnh liền kề và tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh từ 1000 km trở xuống	B-BGT-015378-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
7.	Cấp Giấy chứng nhận tập huấn lái xe taxi	B-BGT-010132-TT	Đường bộ	Hiệp Hội vận tải ô tô Việt Nam
8.	Cấp Giấy chứng nhận tập huấn nhân viên phục vụ trên xe khách, xe buýt	B-BGT-010178-TT	Đường bộ	Hiệp Hội vận tải ô tô Việt Nam

Phụ lục V

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 3530/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần I- NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG

I. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường thủy nội địa

1. Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế đến cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

- Cơ quan quản lý đường thủy nội địa bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với công trình đường thủy nội địa quốc gia);

+ Sở Giao thông vận tải (đối với công trình đường thủy nội địa địa phương).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan quản lý đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa phải có văn bản chấp thuận việc tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi cho đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa thông qua hệ thống bưu chính hoặc nhận trực tiếp tại trụ sở cơ quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội năm 2004;
- Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn đề nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

2. Tên công trình:

- Địa điểm:

3. Loại công trình: Cấp công trình:

4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:

- Địa chỉ: Điện thoại:

5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế:

.....

(Ghi các nội dung đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa).

..... ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy nội địa.

2. Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo đến Cảng vụ Hàng hải khu vực.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ Hàng hải khu vực gửi xin ý kiến bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải nơi có cảng, bến đón trả khách do địa phương quản lý. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận được văn bản trả lời của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách cố định trên tuyến. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo mẫu;
- Ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến cho phương tiện vào đón, trả hành khách;
- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu), bao gồm:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có nội dung ngành nghề vận tải hành khách đường thủy;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;
 - + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện còn hiệu lực và phù hợp với tuyến hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định Cảng vụ Hàng hải khu vực gửi văn bản xin ý kiến của Sở Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc;

- Chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định và văn bản trả lời của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách cố định trên tuyến.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ Hàng hải khu vực;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải khu vực;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

- Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Mẫu: Bản đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN ĐĂNG KÝ

Hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh):.....
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số điện thoại:; Fax/email:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:ngày.....
- Cơ quan cấp:.....

Đăng ký hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo với các nội dung sau:

1. Các tuyến hoạt động:

- Tuyến 1: từđến.....
- (Các tuyến khác ghi tương tự)*

2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)....., trọng tải:(ghé)
- (Các phương tiện khác ghi tương tự)*

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: + Có chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại:vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):
 - + Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:.....
- (Các tuyến khác ghi tương tự)*

4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:.....

5. Thời hạn hoạt động:.....

6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật.

Đại diện doanh nghiệp
(hộ hoặc cá nhân kinh doanh)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)

3. Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình hàng hải hết tuổi thọ thiết kế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình hàng hải hết tuổi thọ thiết kế đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lời ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận việc tiếp tục sử dụng đối với công trình hàng hải hết tuổi thọ thiết kế; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (bản chính);
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình hàng hải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

- Thông tư số 14/2013/TT-BGTVT ngày 05/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

Mẫu: Đơn đề nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

2. Tên công trình:

- Địa điểm:

3. Loại công trình: Cấp công trình:

4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:

- Địa chỉ: Điện thoại:

5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình hàng hải hết tuổi thọ thiết kế:

.....
(Ghi các nội dung đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 14/2013/TT-BGTVT ngày 05/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải).

....., ngày tháng năm..

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình hàng hải.

II. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ

4. Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định đến Sở Giao thông vận tải nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu theo mẫu;
- Xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu (đối với những phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng ủy thác cho đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý thông tin từ thiết bị giám sát hành trình (trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải không trực tiếp thực hiện các quy định về: duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, đảm bảo truyền dẫn đầy đủ, liên tục các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình về đơn vị trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh vận tải của phương tiện thuộc đơn vị quản lý và cung cấp theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cập nhật, lưu trữ có hệ thống các thông tin bắt buộc tối thiểu 01 (một) năm);
- Phù hiệu hư hỏng hoặc hết giá trị sử dụng hoặc biên bản xử lý vi phạm thu hồi phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phù hiệu xe taxi; xe hợp đồng; xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; xe vận tải hành khách theo tuyến cố định.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu theo mẫu;

- Xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp lại phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận mở tuyến; công bố tuyến; chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận tăng tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu: Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu

Tên đơn vị vận tải:

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU

Kính gửi:(Sở Giao thông vận tải)

1. Tên đơn vị vận tải:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại (Fax):
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp (đổi): (1).....
- (có danh sách xe đề nghị cấp (đổi) phù hiệu kèm theo)

Đại diện đơn vị vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp hoặc đổi theo từng loại.

Mẫu: Xác nhận tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải

Tên doanh nghiệp, HTX:.....

Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ
THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ..(1).....

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do.....
cấp ngày tháng..... năm

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ...(1)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu để hoạt động kinh doanh vận tải.....:

Trên địa bàn ...(2)

Trên tuyến: tên tuyến:đi và ngược lại (2); Mã số tuyến: (mục này chỉ dành cho xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định).

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký.

(2) Ghi tên tỉnh.

5. Cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời gian tối đa 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo mẫu;
- Giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (bản chính);
- Giấy phép Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao);
- Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc giấy đăng ký kinh doanh lữ hành (bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu);
- Bản sao các loại giấy tờ: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của các xe có tên trong danh sách đề nghị; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa thể thao và du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giao thông vận tải quy định về vận chuyển khách du lịch bằng ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận chuyển khách du lịch.

Mẫu: Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH

Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP BIỂN HIỆU “XE Ô TÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở:

Số điện thoại: (Fax):

Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:.....do.....

cấp ngày tháng năm

Lĩnh vực kinh doanh:

Số xe đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển số	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm: Giấy xác nhận ô tô vận chuyển khách du lịch (bản chính) (1) và các bản sao: Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận chuyển khách (2); Giấy chứng nhận đăng ký ô tô (3); Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (4); Giấy chứng nhận Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện (5); Giấy phép lái xe (6); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe (7).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ
KINH DOANH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

6. Cấp lại biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch hết thời hạn sử dụng, đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời gian tối đa 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo mẫu;
- Giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (bản chính);
- Giấy phép Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao);
- Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc giấy đăng ký kinh doanh lữ hành (bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu);
- Bản sao các loại giấy tờ: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của các xe có tên trong danh sách đề nghị; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa thể thao và du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
- Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26/01/2011 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giao thông vận tải quy định về vận chuyển khách du lịch bằng ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận chuyển khách du lịch.

Mẫu: Giấy đề nghị cấp lại biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP BIỂN HIỆU “XE Ô TÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở:

Số điện thoại: (Fax):

Giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do.....

cấp ngày tháng..... năm

Lĩnh vực kinh doanh:

Số xe đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển số	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm: Giấy xác nhận ô tô vận chuyển khách du lịch (bản chính) (1) và các bản sao: Giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận chuyển khách (2); Giấy chứng nhận đăng ký ô tô (3); Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (4); Giấy chứng nhận Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện (5); Giấy phép lái xe (6); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe (7).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ
KINH DOANH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

7. Xác nhận tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, bằng xe taxi, theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ nộp hồ sơ đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải xác nhận vào giấy đề nghị và gửi lại đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận giấy đề nghị xác nhận.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải vào Giấy đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Giấy Đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: Đề nghị xác nhận tình trạng xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải

Tên doanh nghiệp, HTX:..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ
THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải..(1).....

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do.....
cấp ngày tháng..... năm

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ...(1)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu để hoạt động kinh doanh vận tải.....:

Trên địa bàn ...(2)

Trên tuyến: tên tuyến:đi và ngược lại (2); Mã số tuyến: (mục này chỉ dành cho xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định).

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải
Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký.
- (2) Ghi tên tỉnh.

8. Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh bến xe hàng nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải tại địa phương nơi có bến xe hàng được đề nghị công bố.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Chậm nhất trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo các tiêu chí của yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác. Quyết định công bố được gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý;

- Trường hợp bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác theo mẫu;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng;
- Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng;
- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải tại địa phương nơi có bến xe hàng được đề nghị công bố;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải tại địa phương nơi có bến xe hàng được đề nghị công bố;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Bến xe hàng phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật như sau:

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²	2.000
2	Diện tích kho hàng kín tối thiểu	m ²	500
3	Trang thiết bị bốc, xếp bằng cơ giới		Có
4	Diện tích đỗ xe (tối thiểu)	m ²	800
5	Văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ (tối thiểu)	-	2 – 4 % Tổng diện tích bến
6	Đường xe ra, vào	-	Riêng biệt hoặc chung
7	Hệ thống thoát nước	-	Có hệ thống tiêu thoát nước bảo đảm không ú đọng nước
8	Hệ thống cứu hoả	-	Theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA
.....(tên bến xe hàng)..... VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do.....cấp ngày tháng..... năm

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng)..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:.....
- Địa chỉ:(1).....
- Tổng diện tích đất: (2).....

....(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.
- (2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

9. Chấp thuận mở tuyến mới đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng xe ô tô

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mở tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng xe ô tô cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải địa phương kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến phía bên kia để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời; hết thời hạn trên coi như đã đồng ý với việc mở tuyến mới;

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản chấp thuận mở tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Văn bản chấp thuận mở tuyến cố định liên tỉnh được gửi đến doanh nghiệp, hợp tác xã, bên xe hai đầu tuyến để thực hiện và đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để phối hợp quản lý.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký mở tuyến mới theo mẫu;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến phía bên kia.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận mở tuyến.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký mở tuyến mới;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được đăng ký mở tuyến mới.

- Tuyến mới là tuyến đáp ứng ít nhất một trong ba tiêu chí, cụ thể: bến xe nơi đi, bến xe nơi đến hoặc các tuyến đường bộ trên hành trình không trùng với các tuyến vận tải hành khách cố định đã công bố.

- Thủ tục này chỉ dùng cho trường hợp đăng ký mở tuyến mới trước khi Quy hoạch mạng lưới tuyến được công bố.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu: Giấy đăng ký mở tuyến vận tải hành khách cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày/...../.....
do (tên cơ quan cấp)..... cấp.
5. Đăng ký mở tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:Nơi đến:(1)
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình chạy xe:

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:
(1) Ghi tên tỉnh.

Mẫu: Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định

Tên doanh nghiệp, HTX: - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại (Fax):
 4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:
Tỉnh đi tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:
a) Chất lượng phương tiện: Chất lượng phương tiện, năm sản xuất, số ghế, trang thiết bị phục vụ hành khách, tiêu chuẩn khí thải.
b) Việc chấp hành phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô:
 - c) Các quyền lợi của hành khách bao gồm: (các dịch vụ phục vụ hành khách, chế độ bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước).
 - d) Địa chỉ, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách:
- Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu .

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 4.

Mẫu: Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN

KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Lộ trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài))trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.....

-

b) **Chiều về: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ ...phút.

4. Tốc độ lưu hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) **Chiều về: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

10. Chấp thuận mở tuyến mới đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mở tuyến mới đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận mở tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký mở tuyến mới theo mẫu;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản Chấp thuận mở tuyến.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký mở tuyến mới;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được đăng ký mở tuyến mới.
- Tuyến mới là tuyến đáp ứng ít nhất một trong ba tiêu chí: bến xe nơi đi, bến xe nơi đến hoặc các tuyến đường bộ trên hành trình không trùng với các tuyến vận tải hành khách cố định đã công bố.
- Thủ tục này chỉ dùng cho trường hợp đăng ký mở tuyến mới trước khi Quy hoạch mạng lưới tuyến được công bố.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu: Giấy đăng ký mở tuyến vận tải hành khách cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày/...../.....
do(tên cơ quan cấp)..... cấp.
5. Đăng ký mở tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:Nơi đến:(1)
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình chạy xe:

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe)

Mẫu: Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Chất lượng phương tiện: Chất lượng phương tiện, năm sản xuất, số ghế, trang thiết bị phục vụ hành khách, tiêu chuẩn khí thải.

b) Việc chấp hành phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô:

c) Các quyền lợi của hành khách bao gồm: (các dịch vụ phục vụ hành khách, chế độ bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước).

d) Địa chỉ, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách:

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 4.

Mẫu: Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Lộ trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài))trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.....

-

b) **Chiều về: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ ...phút.

4. Tốc độ lý hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) **Chiều về: xuất bến tại:**.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
Tổng cộng					

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
....				

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

III. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hàng không

11. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch bảo trì;
- Kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Kế hoạch bảo trì công trình hàng không.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch bảo trì công trình hàng không phải dựa trên việc tổng hợp và thẩm định các số liệu, báo cáo, đề xuất từ đơn vị cơ sở, phản ánh đúng các yêu cầu thực tế và hiện trạng công trình hàng không, phù hợp với quy trình bảo trì công trình theo nội dung công việc bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;
- Thông tư số 22/2013/TT-BGTVT ngày 23/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về bảo trì công trình hàng không.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: Kế hoạch bảo trì công trình hàng không

KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG NĂM...

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bảo dưỡng công trình hàng không							
2	Sửa chữa định kỳ							
3	Sửa chữa đột xuất							
4	Quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không khác							
5	Dự phòng							
	Tổng cộng							

Ghi chú: Cột số 8 – Mức độ ưu tiên: Ghi mức độ ưu tiên 1 (rất cần thiết); 2 (cần thiết).

12. Đề nghị xử lý công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chậm nhất là 90 (chín mươi) ngày trước ngày hết tuổi thọ thiết kế của công trình hàng không, người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không nộp hồ sơ đề nghị xử lý công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt phương án xử lý công trình hàng không và gửi văn bản phê duyệt cho người đề nghị đồng thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp không chấp thuận phương án xử lý phải trả lời cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;
- Kết quả đánh giá chất lượng công trình;
- Phương án sửa chữa công trình trong trường hợp đề nghị phương án tiếp tục sử dụng công trình hoặc sử dụng hạn chế một phần công trình; chuyển đổi công năng sử dụng, sửa chữa công trình.

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý cảng Hàng không, sân bay thuộc Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị về việc xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;

- Thông tư số 22/2013/TT-BGTVT ngày 23/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về bảo trì công trình hàng không.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: Đơn đề nghị xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế

Kính gửi :

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì
Người đại diện:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại:.....
2. Tên công trình:
Địa điểm:.....
3. Loại công trình:..... Cấp công trình:.....
4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:
Địa chỉ:..... Điện thoại:.....
5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế:
.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình hàng không.

Phần II- NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

I. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ

1. Công bố tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng xe ô tô (B-BGT-008614-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị công bố tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh bằng xe ô tô đến Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị kèm hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam để công bố tuyến. Trường hợp từ chối đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam công bố tuyến đưa vào khai thác, Sở Giao thông vận tải phải trả lời doanh nghiệp, hợp tác xã bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam ra văn bản công bố tuyến. Trường hợp từ chối công bố tuyến đưa vào khai thác, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Văn bản công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành; đồng thời gửi đến Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến để phối hợp quản lý và doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến để thực hiện.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định theo mẫu;

- Báo cáo kết quả khai thác thử tuyến vận tải hành khách cố định theo mẫu (chỉ áp dụng đối với các tuyến được công bố trước khi có quy hoạch mạng lưới tuyến).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc;

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam ra văn bản công bố tuyến trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam công bố tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định;

- Báo cáo kết quả khai thác thử tuyến vận tải hành khách cố định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp thuận khai thác trên tuyến có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tuyến đưa vào khai thác.

- Tuyến vận tải hành khách cố định được công bố đưa vào khai thác phải đáp ứng yêu cầu sau:

+ Phù hợp với quy hoạch mạng lưới tuyến (áp dụng sau khi Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh do Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và công bố theo quy định);

+ Bảo đảm tiêu chí thiết lập tuyến: Có hệ thống đường bộ được công bố khai thác trên toàn bộ hành trình; có bến xe nơi đi, bến xe nơi đến đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố đưa vào khai thác và đủ điều kiện tiếp nhận. Tuyến vận tải không trùng với các tuyến đã công bố.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: Giấy đề nghị công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

Tên doanh nghiệp, HTX: - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA VÀO KHAI THÁC
TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô sốngày/...../.....
cơ quan cấp
5. Văn bản chấp thuận mở tuyến số/..... ngày/...../.....
...(Tên doanh nghiệp, hợp tác xã)... đề nghị Sở Giao thông vận tải báo cáo
Tổng cục Đường bộ Việt Nam công bố đối với tuyến vận tải hành khách cố định
liên tỉnh theo quy định.
6. Đề nghị công bố tuyến đưa vào khai thác, thông tin về tuyến:
Nơi đi: Nơi đến:(1)
Bến đi: Bến đến:
Hành trình chạy xe:
Cự ly vận chuyển:km
Mã số tuyến:.....
7. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát	Số ghế	Tên đăng ký sở hữu xe	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến đã được chấp thuận khai thác
1							Bến đi....-Bến đến...
2							Bến đi....-Bến đến...

8. Thời điểm đề nghị công bố đưa tuyến vào khai thác: ngày...tháng...năm...

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ghi tên tỉnh .

Mẫu: Báo cáo kết quả khai thác thử tuyến vận tải hành khách cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHAI THÁC THỬ TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện văn bản chấp thuận mở tuyến số ngày ..tháng ...năm của Sở GTVT.....(tên doanh nghiệp, hợp tác xã).... báo cáo kết quả khai thác thử trên tuyến.....(tên tuyến)..... từ ngàytháng....năm....đến ngày.....tháng...năm...như sau:

I. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách:

1. Về thực hiện biểu đồ chạy xe

- Tổng số chuyến xe (theo văn bản chấp thuận):.....
- Tổng số chuyến xe thực hiện:.....
- Tổng số chuyến xe không thực hiện:.....nguyên nhân:.....
- Tỷ lệ chuyến xe thực hiện/Tổng số chuyến xe (theo văn bản chấp thuận):.....

2. Về sản lượng khách

- Tổng sản lượng khách vận chuyển:.....
- Sản lượng khách bình quân/chuyến xe:.....
- Sản lượng khách bình quân khi xuất bến/chuyến xe:.....
- Hệ số sử dụng ghế xe bình quân:.....

II. Tình hình thực hiện chất lượng dịch vụ đã đăng ký (báo cáo theo từng nội dung cụ thể trong đăng ký chất lượng dịch vụ)

III. Tình hình vi phạm của phương tiện, lái xe thông qua thiết bị giám sát hành trình (báo cáo 5 thông tin bắt buộc)

IV. Đề xuất, kiến nghị và giải pháp khắc phục:

Đại diện doanh nghiệp/Hợp tác xã
(Ký tên, đóng dấu)

2. Công bố tuyển vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô (B-BGT-015024-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị công bố tuyển vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô đến Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải ra văn bản công bố tuyển đưa vào khai thác. Trường hợp từ chối công bố tuyển đưa vào khai thác, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Văn bản công bố đưa vào khai thác tuyển vận tải hành khách hành cố định được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa vào khai thác tuyển vận tải hành khách cố định theo mẫu;

- Báo cáo kết quả khai thác thử tuyển vận tải hành khách cố định theo mẫu (áp dụng đối với các tuyến được công bố trước khi có quy hoạch mạng lưới tuyến).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định;
- Báo cáo kết quả khai thác thử tuyến vận tải hành khách cố định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp thuận khai thác trên tuyến có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tuyến đưa vào khai thác. Tuyến vận tải hành khách cố định được công bố đưa vào khai thác phải đáp ứng yêu cầu sau:

+ Phù hợp với quy hoạch mạng lưới tuyến (áp dụng sau khi Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách được UBND cấp tỉnh phê duyệt và công bố);

+ Bảo đảm tiêu chí thiết lập tuyến: Có hệ thống đường bộ được công bố khai thác trên toàn bộ hành trình; có bến xe nơi đi, bến xe nơi đến đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố đưa vào khai thác và đủ điều kiện tiếp nhận. Tuyến vận tải không trùng với các tuyến đã công bố.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu: Giấy đề nghị công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

Tên doanh nghiệp, HTX: - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA VÀO KHAI THÁC
TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô sốngày/...../.....
cơ quan cấp
5. Văn bản chấp thuận mở tuyến số/..... ngày/...../.....
....(Tên doanh nghiệp, hợp tác xã).... đề nghị Sở Giao thông vận tải công bố
đối với tuyến cố định nội tỉnh theo quy định.
6. Đề nghị công bố tuyến đưa vào khai thác, thông tin về tuyến:
Nơi đi: Nơi đến:(1)
Bến đi: Bến đến:
Hành trình chạy xe:
Cự ly vận chuyển:km
Mã số tuyến:.....

7. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát	Số ghế	Tên đăng ký sở hữu xe	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến đã được chấp thuận khai thác
1							Bến đi....-Bến đến...
2							Bến đi....-Bến đến...

8. Thời điểm đề nghị công bố đưa tuyến vào khai thác: ngày...tháng...năm.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe.

Mẫu: Báo cáo kết quả khai thác thủ tuyến vận tải hành khách cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHAI THÁC THỦ TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện văn bản chấp thuận mở tuyến số ngày ..tháng ...năm của Sở GTVT.....(tên doanh nghiệp, hợp tác xã).... báo cáo kết quả khai thác thủ trên tuyến.....(tên tuyến)..... từ ngàytháng....năm....đến ngày.....tháng...năm...như sau:

II. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách:

2. Về thực hiện biểu đồ chạy xe

- Tổng số chuyến xe (theo văn bản chấp thuận):.....
- Tổng số chuyến xe thực hiện:.....
- Tổng số chuyến xe không thực hiện:.....nguyên nhân:.....
- Tỷ lệ chuyến xe thực hiện/Tổng số chuyến xe (theo văn bản chấp thuận):.....

2. Về sản lượng khách

- Tổng sản lượng khách vận chuyển:.....
- Sản lượng khách bình quân/chuyến xe:.....
- Sản lượng khách bình quân khi xuất bến/chuyến xe:.....
- Hệ số sử dụng ghế xe bình quân:.....

II. Tình hình thực hiện chất lượng dịch vụ đã đăng ký (báo cáo theo từng nội dung cụ thể trong đăng ký chất lượng dịch vụ)

III. Tình hình vi phạm của phương tiện, lái xe thông qua thiết bị giám sát hành trình (báo cáo 5 thông tin bắt buộc)

IV. Đề xuất, kiến nghị và giải pháp khắc phục:

Đại diện doanh nghiệp/Hợp tác xã
(Ký tên, đóng dấu)

**3. Đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác
đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh
(B-BGT-008939-TT)**

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đến Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị;
- Thủ tục này không áp dụng đối với trường hợp Sở Giao thông vận tải quyết định bổ sung phương tiện, tăng tần suất chạy xe để phục vụ vận chuyển khách trong các dịp: Tết Nguyên đán [không quá 30 (ba mươi) ngày]; các dịp Lễ, Tết và các kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng [không quá 10 (mười) ngày].

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến phía bên kia để lấy ý kiến trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Hết thời hạn trên coi như Sở Giao thông vận tải này đã đồng ý với nội dung đăng ký khai thác tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản chấp thuận khai thác tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận được đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để phối hợp quản lý.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của Doanh nghiệp, Hợp tác xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của Doanh nghiệp, Hợp tác xã;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến phía bên kia.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận khai thác tuyến.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp, Hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã được đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh trong các trường hợp sau:
 - + Khi cơ quan có thẩm quyền công bố quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch hoặc quyết định tăng tần suất chạy xe;
 - + Khi hệ số có khách bình quân toàn tuyến đạt trên 50%;
 - + Khi hệ số có khách bình quân trên tuyến của đơn vị đạt trên 50%.
- Tuyến đăng ký khai thác hoặc điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến (bao gồm cả tăng tần suất chạy xe) phải đảm bảo nguyên tắc giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày

08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: Giấy Đăng ký khai thác tuyến

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ(1).... TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày/...../.....
do(tên cơ quan cấp)..... cấp.
5. Đăng ký(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:Nơi đến:(2)
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình chạy xe:
6. Công văn chấp thuận khai thác số:/..... do.....(ghi tên cơ quan cấp)
.....cấp ngày/...../.....(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác hoặc tăng tần suất chạy xe.
- (2) Ghi tên tỉnh.
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

Mẫu: Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Chất lượng phương tiện: Chất lượng phương tiện, năm sản xuất, số ghế, trang thiết bị phục vụ hành khách, tiêu chuẩn khí thải.

b) Việc chấp hành phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô:

c) Các quyền lợi của hành khách bao gồm: (các dịch vụ phục vụ hành khách, chế độ bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước).

d) Địa chỉ, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách:

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 4.

Mẫu: Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm....

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Lộ trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài))trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.....

-

b) **Chiều về: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) **Chiều về: xuất bến tại:.....**

+ **Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....**

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ **Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....**

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
...	...			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

**4. Đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác
đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh
(B-BGT-015110-TT)**

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đến Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị;
- Thủ tục này không áp dụng đối với trường hợp Sở Giao thông vận tải quyết định bổ sung phương tiện, tăng tần suất chạy xe để phục vụ vận chuyển khách trong các dịp: Tết Nguyên đán không quá 30 (ba mươi) ngày; các dịp Lễ, Tết và các kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng không quá 10 (mười) ngày.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ra văn bản chấp thuận khai thác tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận khai thác tuyến.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp, Hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã được đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh trong các trường hợp sau:
 - + Khi cơ quan có thẩm quyền công bố quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch hoặc quyết định tăng tần suất chạy xe theo quy định;
 - + Khi hệ số có khách bình quân toàn tuyến đạt trên 50%;
 - + Khi hệ số có khách bình quân trên tuyến của đơn vị đạt trên 50%.
- Tuyến đăng ký khai thác hoặc điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến (bao gồm cả tăng tần suất chạy xe) phải đảm bảo nguyên tắc giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu: Giấy đăng ký khai thác tuyến

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ(1)..... TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày/...../.....
do (tên cơ quan cấp)..... cấp.
5. Đăng ký(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:Nơi đến:(2)
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình chạy xe:
6. Công văn chấp thuận khai thác số:/..... do..... (ghi tên cơ quan cấp)
.....cấp ngày .../...../.....(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: Đăng ký khai thác hoặc tăng tần suất chạy xe.
- (2) Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe.
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

Mẫu: Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định

Tên doanh nghiệp, HTX:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Chất lượng phương tiện: Chất lượng phương tiện, năm sản xuất, số ghế, trang thiết bị phục vụ hành khách, tiêu chuẩn khí thải.

b) Việc chấp hành phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô:

c) Các quyền lợi của hành khách bao gồm: (các dịch vụ phục vụ hành khách, chế độ bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước).

d) Địa chỉ, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách:

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 4.

Mẫu: Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

II. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Lộ trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài))trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.....

-

b) **Chiều về: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) *Chiều về: xuất bến tại:.....*

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phần III- NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ THAY THẾ

I.Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Đường bộ

1. Cấp mới phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp mới phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định đến Sở Giao thông vận tải nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ Sở Giao thông vận tải cấp mới phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe vận tải hành khách theo tuyến cố định. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a)Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp mới phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, cam kết kinh tế giữa xã viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh. Đối với những phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì đơn vị kinh doanh vận tải phải gửi kèm theo xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng ủy thác cho đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý thông tin từ thiết bị giám sát hành trình (trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải không trực tiếp thực hiện các quy định về: duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, đảm bảo truyền dẫn đầy đủ, liên tục các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình về đơn vị trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh vận tải của phương tiện thuộc đơn vị quản lý và cung cấp theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cập nhật, lưu trữ có hệ thống các thông tin bắt buộc tối thiểu 01 (một) năm).

b) Số lượng hồ sơ: 01(một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phù hiệu xe taxi; xe hợp đồng; xe vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; xe vận tải hành khách theo tuyến cố định;

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp mới phù hiệu theo mẫu;

- Xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp mới phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận mở tuyến; công bố tuyến; chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận tăng tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu: Giấy đề nghị cấp mới phù hiệu

Tên đơn vị vận tải:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU

Kính gửi:(Sở Giao thông vận tải)

1. Tên đơn vị vận tải:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại (Fax):
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
- Đề nghị được cấp: (1).....
(có danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu kèm theo)

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp theo từng loại.

Mẫu: Xác nhận tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải

Tên doanh nghiệp, HTX:.....
Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ
THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ..(1).....

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do.....
cấp ngày tháng..... năm

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ...(1)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của(tên doanh nghiệp/HTX)...chưa được cấp Phù hiệu để hoạt động kinh doanh vận tải.....:

Trên địa bàn ...(2)

Trên tuyến: tên tuyến:đi và ngược lại (2); Mã số tuyến: (mục này chỉ dành cho xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định).

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải
Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký.
- (2) Ghi tên tỉnh.